

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn
tỉnh Quảng Ninh - giai đoạn 3**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng ngày 16/7/2012;

Căn cứ Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở;

Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 25/7/2017, Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 27/6/2019 của Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 02/12/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 1704-TB/TU ngày 12/3/2020 của Tỉnh ủy “Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại hội nghị ngày 11/3/2020”;

Căn cứ Nghị quyết số 246/2020/NQ-HĐND ngày 31/3/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh “V/v sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của HĐND tỉnh liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân sách và khoáng sản”;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 56/TTr-SXD ngày 29/4/2020 “V/v phê duyệt Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh - giai đoạn 3”;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh - giai đoạn 3 với các nội dung như sau:

1. Tên Đề án: Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh - giai đoạn 3.

2. Đối tượng và điều kiện được hỗ trợ về nhà ở:

Hộ gia đình được hỗ trợ về nhà ở phải có đủ các điều kiện sau:

a. Đối tượng:

Là hộ gia đình có người có công với cách mạng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận, bao gồm:

(1) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (cán bộ

Lão thành cách mạng.

(2) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (cán bộ Tiền khởi nghĩa).

(3) Thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con liệt sỹ và người có công nuôi dưỡng liệt sỹ dưới 18 tuổi, thời gian nuôi từ 10 năm trở lên).

(4) Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

(5) Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

(6) Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến.

(7) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.

(8) Bệnh binh.

(9) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

(10) Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày.

(11) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.

(12) Người có công giúp đỡ cách mạng.

b. Điều kiện về nhà ở, hộ khẩu thường trú:

Là người có công với cách mạng có tên trong danh sách do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện quản lý tại thời điểm UBND cấp huyện rà soát; đang sinh sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú trước thời điểm UBND cấp huyện rà soát mà nhà ở đó có một trong các điều kiện sau:

(1) Nhà ở bị hư hỏng nặng phải phá dỡ để xây mới nhà ở.

(2) Nhà ở bị hư hỏng, đột nát cần phải sửa chữa phần khung, tường và thay mới mái nhà.

c. Một số điều kiện cụ thể:

- Việc xây dựng nhà ở phải được thực hiện trên phần diện tích đất ở hợp pháp mà người có công đang ở tại nhà ở phải phá dỡ để xây mới. Trong trường hợp bất khả kháng không thể xây dựng trên phần diện tích này, người có công được phép xây dựng trên phần diện tích đất ở hợp pháp tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.

- Các trường hợp người có công với cách mạng đảm bảo các quy định tại Đề án này và được phê duyệt thực hiện theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ nhưng chưa thực hiện cải thiện nhà ở trong giai đoạn 2013-2018.

- Hộ gia đình người có công đã chết từ thời điểm tháng 7/2018 (thời điểm hoàn thành Đề án - giai đoạn 2) đến nay mà vợ hoặc chồng còn sống, có hộ khẩu thường trú và đang ở tại nhà ở đó thì được hỗ trợ theo Đề án này.

- Hộ gia đình mà cả người có công và vợ hoặc chồng của người đó đều đã chết từ thời điểm tháng 7/2018 (thời điểm hoàn thành Đề án - giai đoạn 2) đến nay, hiện nay con của họ đang sinh sống tại nhà ở đó, thực sự có khó khăn về nhà ở thì được hỗ trợ theo Đề án này.

- Hộ gia đình người có công đủ điều kiện được hỗ trợ mà đã tự triển khai xây dựng, sửa chữa nhà ở sau khi kết thúc Đề án giai đoạn 2 đến nay thì vẫn được hỗ trợ; UBND cấp huyện có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

d. Những trường hợp không được hỗ trợ theo quy định tại Đề án này:

(1) Hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình bố trí

dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

(2) Hộ đã được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

(3) Hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015.

(4) Hộ gia đình người có công đã chết (*từ thời điểm tháng 6/2018 trở về trước*), UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương để huy động, hỗ trợ cho vợ (chồng) người có công còn sống hoặc con người có công đang ở nhà đó nếu đủ điều kiện.

3. Số lượng hộ người có công với cách mạng được hỗ trợ về nhà ở:

- Tổng số hộ gia đình người có công được hỗ trợ: **2.840 hộ** (1.514 hộ xây mới và 1.326 hộ sửa chữa).

- Trường hợp UBND các huyện, thị xã, thành phố có phát sinh tăng số hộ hỗ trợ (ngoài 2.840 hộ trên) thì UBND các huyện, thị xã, thành phố tự bố trí kinh phí để thực hiện theo quy định.

4. Mức hỗ trợ (bằng với mức hỗ trợ giai đoạn 2):

a. Đối với hộ xây mới: Hỗ trợ 60 triệu đồng/hộ đối với trường hợp nhà ở bị hư hỏng nặng phải phá đi xây dựng lại nhà ở mới.

b. Đối với hộ sửa chữa: Hỗ trợ 30 triệu đồng/hộ đối với trường hợp nhà ở bị hư hỏng, dột nát cần phải sửa chữa phần khung, tường và thay mới mái nhà.

5. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án:

a. Tổng kinh phí thực hiện: Dự kiến **131.273,100 triệu đồng** (đã bao gồm kinh phí quản lý); trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ cho các hộ xây dựng mới: $1.514 \text{ hộ} \times 60 \text{ triệu đồng/hộ} = 90.840 \text{ triệu đồng}$;

- Kinh phí hỗ trợ cho các hộ sửa chữa: $1.326 \text{ hộ} \times 30 \text{ triệu đồng/hộ} = 39.780 \text{ triệu đồng}$;

- Chi phí quản lý triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Đề án này với mức tối đa 0,5% tổng kinh phí ngân sách hỗ trợ (áp dụng Khoản 1, Điều 4 Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Khoản 4, Điều 4 Thông tư số 98/2013/TT-BTC ngày 24/7/2013 của Bộ Tài chính), trong đó:

+ Bố trí kinh phí quản lý cho cấp huyện 0,45%: 587,790 triệu đồng;

+ Bố trí kinh phí quản lý cho BCĐ cấp tỉnh 0,05%: 65,310 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục tổng hợp và Phụ lục 1,2,3 gửi kèm Đề án này)

b. Nguồn vốn thực hiện: 100% ngân sách tỉnh (từ nguồn vốn đầu tư phát triển).

6. Tiến độ thực hiện:

- Hoàn thành dứt điểm trong năm 2020.

- Đối với các hộ có nhu cầu hỗ trợ nhà ở từ năm 2021 trở đi, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm bố trí nguồn lực và kêu gọi nguồn vốn xã hội hóa để triển khai theo điều kiện của địa phương.

7. Cách thức thực hiện, rà soát phê duyệt danh sách: Thực hiện như Đề án - giai đoạn 1,2 (năm 2013÷2018) đã triển khai.

Điều 2. Xử lý phát sinh

- Đối với các trường hợp thuộc diện được hỗ trợ nhưng chuyển đổi hình thức hỗ trợ từ xây mới sang sửa chữa hoặc ngược lại và các trường hợp thuộc diện được hỗ trợ nhưng không còn nhu cầu thì bổ sung các hộ khác đủ điều kiện để thay thế mà không làm phát sinh thêm kinh phí thì được tiếp tục thực hiện, nếu phát sinh thêm kinh phí so với Đề án thì UBND các huyện, thị xã, thành phố tự cân đối kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương hoặc từ nguồn huy động hợp pháp khác để thực hiện.

- Trong quá trình triển khai nếu có phát sinh tăng thêm các hộ đủ điều kiện được hỗ trợ so với Đề án và làm phát sinh kinh phí so với Đề án thì UBND các huyện, thị xã, thành phố tự cân đối kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương hoặc các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện và đảm bảo mức hỗ trợ không thấp hơn mức hỗ trợ của Đề án này.

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố được phê duyệt điều chỉnh bổ sung danh sách các hộ người có công với cách mạng được hỗ trợ nhà ở tại địa phương do phát sinh, chuyển đổi, tăng thêm (nếu có) và kinh phí hỗ trợ của địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 4. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Xây dựng:

- Là cơ quan Thường trực của tỉnh để triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cho người có công với cách mạng về nhà ở.

- Tổng hợp danh sách, mức hỗ trợ, nhu cầu kinh phí hỗ trợ về nhà ở cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội phân bổ nguồn kinh phí quản lý thực hiện Đề án.

- Báo cáo kết quả triển khai Đề án về Bộ Xây dựng, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Lao động Thương binh và xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và Ban chỉ đạo tỉnh hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương hoàn thành việc hỗ trợ các gia đình người có công với cách mạng về nhà ở theo Đề án này.

2. Sở Lao động Thương binh và Xã hội:

- Chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, thẩm định danh sách các hộ người có công với cách mạng về nhà ở do các địa phương phê duyệt và tổng hợp kết quả rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phối hợp với các Sở, ban ngành hướng dẫn, kiểm tra, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện Đề án.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo phòng Lao động Thương binh và Xã hội và các phòng ban chức năng rà soát, kiểm tra, đảm bảo đúng đối tượng thuộc diện được hỗ trợ.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Xây dựng, Lao động Thương binh và Xã hội cân đối bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định và kinh phí quản lý để thực hiện Đề án.

4. Sở Tài chính:

- Căn cứ vào số liệu, mức hỗ trợ do Sở Xây dựng tổng hợp, tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, phân bổ kinh phí hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các địa phương chủ trì hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn vốn hỗ trợ về nhà ở (bao gồm cả chi phí quản lý để triển khai thực hiện Đề án) theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư và Lao động Thương binh xã hội và các địa phương cân đối, bố trí và phân bổ nguồn kinh phí quản lý (653,100 triệu đồng) để thực hiện Đề án theo quy định.

5. Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh: Thực hiện việc kiểm soát thanh toán vốn đảm bảo số tiền hỗ trợ theo đúng danh sách phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện và mức hỗ trợ theo quy định.

6. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh: Đề xuất phương án đưa lực lượng về các địa phương để phối hợp thực hiện việc hỗ trợ hộ người có công với cách mạng xây dựng, sửa chữa nhà ở.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội: Phối hợp tổ chức các cuộc vận động cộng đồng gây quỹ để giúp đỡ gia đình người có công với cách mạng về nhà ở; hỗ trợ các hộ gia đình vùng sâu, vùng xa, vùng hải đảo trong quá trình xây dựng mới và sửa chữa nhà ở; kiểm tra, giám sát các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân theo chức năng trong quá trình thực hiện Đề án.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng cấp huyện để tổ chức, triển khai thực hiện Đề án.

- Chỉ đạo các phòng, ban chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương tiến hành rà soát, thống kê các hộ gia đình có người có công với cách mạng thuộc diện được hỗ trợ theo tiêu chí quy định và đảm bảo đúng quy trình. Chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện trong việc rà soát xác định hộ gia đình người có công với cách mạng được hỗ trợ về nhà ở.

- Công bố công khai về đối tượng, tiêu chuẩn được hỗ trợ, tổng hợp và phê duyệt danh sách người có công với cách mạng được hỗ trợ về nhà ở trên địa bàn và báo cáo kết quả đảm bảo đúng đối tượng gửi về Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

- Tổng hợp và phê duyệt nhu cầu kinh phí hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện việc hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở của các xã, phường, thị trấn trên địa bàn (gồm số hộ gia đình đã được hỗ trợ, số nhà ở đã được xây dựng mới hoặc sửa chữa, số tiền đã cấp phát cho các hộ gia đình, số tiền huy động từ các nguồn khác, các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị trong quá trình thực hiện).

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc triển khai Đề án này; đảm bảo hỗ trợ đúng đối tượng, điều kiện, tiến độ; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng trục lợi

chính sách.

- Thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm trong việc thực hiện Đề án.

9. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

- Thành lập ban chỉ đạo thực hiện Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn cấp xã để tổ chức, triển khai thực hiện Đề án.

- Chỉ đạo các thôn, bản, khu phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung của Đề án đến toàn bộ là người có công với cách mạng trên địa bàn thôn và hướng dẫn các đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ về nhà ở làm Đơn đề nghị được hỗ trợ theo mẫu; đồng thời tập hợp đơn và danh sách gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Tổ chức, rà soát lập danh sách kèm các hộ gia đình người có công với cách mạng được hỗ trợ trên địa bàn.

- Xác nhận hiện trạng nhà ở (sửa chữa hoặc xây mới) và yêu cầu các hộ gia đình đề nghị hỗ trợ nhà ở cam kết tiến độ hoàn thành, kinh phí tự có (tiền, vật liệu, nhân công...).

- Niêm yết công khai danh sách và mức hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Đề án tại trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã ít nhất 15 ngày.

- Tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn gửi phòng Lao động Thương binh và Xã hội thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện rút dự toán tại kho bạc nhà nước để tạm ứng lần đầu hoặc thanh toán kinh phí hỗ trợ cho các hộ gia đình.

- Tổ chức việc lập Biên bản xác nhận xây dựng nhà ở hoàn thành theo giai đoạn và Biên bản xác nhận hoàn thành xây dựng nhà ở đưa vào sử dụng.

- Lập và lưu trữ hồ sơ hoàn công cho từng hộ gia đình được hỗ trợ nhà ở, bao gồm:

- + Đơn đề nghị hỗ trợ nhà ở của hộ gia đình.

- + Biên bản và ảnh chụp (cỡ 15×20 cm) về hiện trạng nhà ở.

- + Bản sao sổ hộ khẩu.

- + Bản sao công chứng (hoặc chứng thực) giấy tờ chứng minh là người có công hoặc thân nhân của liệt sĩ (bao gồm một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ; quyết định công nhận hoặc quyết định trợ cấp của cấp có thẩm quyền, Huân, Huy chương kháng chiến, hoặc Huân, Huy chương chiến thắng...).

- + Biên bản xác nhận xây dựng nhà ở hoàn thành theo giai đoạn.

- + Biên bản xác nhận hoàn thành xây dựng nhà ở đưa vào sử dụng.

- + Các chứng từ giải ngân nguồn vốn hỗ trợ (Đơn đề nghị tạm ứng và một số giấy tờ khác...).

- Tuyên truyền, phổ biến, vận động các hộ gia đình người có công biết, áp dụng các mẫu thiết kế nhà ở được công bố công khai trên Cổng TTĐT của Sở Xây dựng Quảng Ninh.

- Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các hộ gia đình sử dụng tiền hỗ trợ về nhà ở đúng mục đích, đảm bảo chất lượng nhà ở xây dựng mới hoặc sửa chữa theo quy định. Đối với những hộ có khó khăn không thể tự xây dựng nhà ở thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xây dựng nhà ở cho các hộ này (Các mẫu biểu, phụ lục thực hiện theo Đề án giai đoạn 1, 2 đã triển khai)

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các Sở ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị nêu tại Điều 4 và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3,4,5 thực hiện;
- Lưu: VT, XD5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



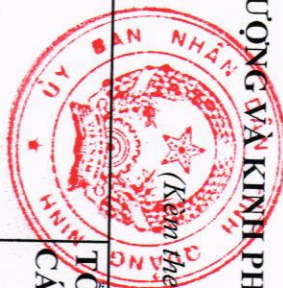
Nguyễn Văn Thắng

TỔNG HỢP
SỐ LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VỀ NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH - GIAI ĐOẠN 3
 (Kèm theo Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 8 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh)



TT	ĐỊA PHƯƠNG	TỔNG SỐ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG ĐƯỢC HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở			KINH PHÍ NGÂN SÁCH TRỢ NHÀ Ở (TR.Đ)	TRONG ĐÓ		CHI PHÍ QUẢN LÝ (TR.Đ)	TỔNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH TỈNH (TR.Đ)	GHI CHÚ
		Tổng số hộ	Xây mới (hộ)	Sửa chữa (hộ)		Xây mới (60trđ/hộ)	Sửa chữa (30trđ/hộ)			
A	B	(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)+(7)	(9)
	Tổng cộng	2,840	1,514	1,326	130,620	90,840	39,780	653.100	131,273.100	
1	Thành phố Hà Long	808	359	449	35,010	21,540	13,470	157.545	35,167.545	
2	Thị xã Đông Triều	548	315	233	25,890	18,900	6,990	116.505	26,006.505	
3	Thị xã Quảng Yên	456	313	143	23,070	18,780	4,290	103.815	23,173.815	
4	Thành phố Uông Bí	262	139	123	12,030	8,340	3,690	54.135	12,084.135	
5	Thành phố Cẩm Phả	245	130	115	11,250	7,800	3,450	50.625	11,300.625	
6	Huyện Vân Đồn	229	115	114	10,320	6,900	3,420	46.440	10,366.440	
7	Huyện Cô Tô	6	2	4	240	120	120	1.080	241.080	
8	Huyện Tiên Yên	85	43	42	3,840	2,580	1,260	17.280	3,857.280	
9	Huyện Bình Liêu	27	20	7	1,410	1,200	210	6.345	1,416.345	
10	Huyện Ba Chẽ	22	8	14	900	480	420	4.050	904.050	
11	Huyện Đầm Hà	45	19	26	1,920	1,140	780	8.640	1,928.640	
12	Huyện Hải Hà	40	21	19	1,830	1,260	570	8.235	1,838.235	
13	Thành phố Móng Cái	67	30	37	2,910	1,800	1,110	13.095	2,923.095	
14	BCĐ tỉnh (Số Xây dựng)							65.310	65.310	

(Kèm theo Quyết định số **491/QĐ-UBND** ngày **8** tháng **5** năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh)



TT	ĐỊA PHƯƠNG	TỔNG SỐ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG ĐƯỢC HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở			KINH PHÍ NGÂN SÁCH TRỢ NHÀ Ở (TR.Đ)	TRONG ĐÓ		CHI PHÍ QUẢN LÝ (TR.Đ)	TỔNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH TỈNH (TR.Đ)	GHI CHÚ
		Tổng số hộ	Xây mới (hộ)	Sửa chữa (hộ)		Xây mới (60trđ/hộ)	Sửa chữa (30trđ/hộ)			
A	B	(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)+(7)	(9)
	Tổng cộng	2,224	1,086	1,138	99,300	65,160	34,140	496,50	99,796,500	
1	Thành phố Hà Long	695	280	415	29,250	16,800	12,450	131.625	29,381.625	
2	Thị xã Đông Triều	411	222	189	18,990	13,320	5,670	85.455	19,075.455	
3	Thị xã Quảng Yên	341	217	124	16,740	13,020	3,720	75.330	16,815.330	
4	Thành phố Uông Bí	219	109	110	9,840	6,540	3,300	44.280	9,884.280	
5	Thành phố Cẩm Phả	204	101	103	9,150	6,060	3,090	41.175	9,191.175	
6	Huyện Vân Đồn	118	57	61	5,250	3,420	1,830	23.625	5,273.625	
7	Huyện Cô Tô	4	0	4	120	0	120	0.540	120.540	
8	Huyện Tiên Yên	69	29	40	2,940	1,740	1,200	13.230	2,953.230	
9	Huyện Bình Liêu	19	14	5	990	840	150	4.455	994.455	
10	Huyện Ba Chẽ	22	8	14	900	480	420	4.050	904.050	
11	Huyện Đầm Hà	42	16	26	1,740	960	780	7.830	1,747.830	
12	Huyện Hải Hà	27	11	16	1,140	660	480	5.130	1,145.130	
13	Thành phố Móng Cái	53	22	31	2,250	1,320	930	10.125	2,260.125	
14	BCĐ tỉnh							49.650	49.650	

ĐÀ TRIỂN KHAI SAU KHI GIAI ĐOẠN 2 KẾT THÚC (TRONG NĂM 2018-2019)

Kiểm theo Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 8 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

TT	ĐỊA PHƯƠNG	TỔNG SỐ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG ĐƯỢC HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở			KINH PHÍ NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ NHÀ Ở (TR.Đ)	TRONG ĐÓ		CHI PHÍ QUẢN LÝ (TR.Đ)	TỔNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH TỈNH (TR.Đ)	GHI CHÚ
		Tổng số hộ	Xây mới (hộ)	Sửa chữa (hộ)		Xây mới (60trđ/hộ)	Sửa chữa (30trđ/hộ)			
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8=4+7	9
	Tổng cộng	552	387	165	28,170	23,220	4,950	140,85	28,310,850	
1	Thành phố Hạ Long	108	76	32	5,520	4,560	960	24.840	5,544.840	
2	Thị xã Đông Triều	121	83	38	6,120	4,980	1,140	27.540	6,147.540	
3	Thị xã Quảng Yên	93	79	14	5,160	4,740	420	23.220	5,183.220	
4	Thành phố Uông Bí	42	30	12	2,160	1,800	360	9.720	2,169.720	
5	Thành phố Cẩm Phả	34	26	8	1,800	1,560	240	8.100	1,808.100	
6	Huyện Vân Đồn	108	57	51	4,950	3,420	1,530	22.275	4,972.275	
7	Huyện Cô Tô	2	2	0	120	120	0	0.540	120.540	
8	Huyện Tiên Yên	16	14	2	900	840	60	4.050	904.050	
9	Huyện Bình Liêu	0	0	0	0	0	0	0.000	0.000	
10	Huyện Ba Chẽ	0	0	0	0	0	0	0.000	0.000	
11	Huyện Đầm Hà	3	3	0	180	180	0	0.810	180.810	
12	Huyện Hải Hà	12	9	3	630	540	90	2.835	632.835	
13	Thành phố Móng Cái	13	8	5	630	480	150	2.835	632.835	
14	BCD tỉnh							14.085	14.085	

SỐ LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ CÁC TRƯỜNG HỢP



MÀ NGƯỜI CÓ CÔNG ĐÃ CHẾT HOẶC CẢ VỢ (CHỒNG) NGƯỜI CÓ CÔNG ĐỀU ĐÃ CHẾT MÀ HIỆN NAY VỢ (CHỒNG) NGƯỜI CÓ CÔNG HOẶC CON CỦA HỌ ĐANG Ở NHÀ ĐÓ VÀ VẪN KHÓ KHĂN VỀ NHÀ Ở
Kèm theo Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 8 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

TT	ĐỊA PHƯƠNG	TỔNG SỐ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG ĐƯỢC HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở			KINH PHÍ NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ NHÀ Ở (TR.Đ)	TRONG ĐÓ		CHI PHÍ QUẢN LÝ (TR.Đ)	TỔNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH TỈNH (TR.Đ)	GHI CHÚ
		Tổng số hộ	Xây mới (hộ)	Sửa chữa (hộ)		Xây mới (60trđ/hộ)	Sửa chữa (30trđ/hộ)			
A	B	(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)+(7)	(9)
	Tổng cộng	64	41	23	3,121	2,460	690	15,61	3,136,605	
1	Thành phố Hạ Long	5	3	2	240	180	60	1.080	241.080	
2	Thị xã Đông Triều	16	10	6	780	600	180	3.510	783.510	
3	Thị xã Quảng Yên	22	17	5	1,170	1,020	150	5.265	1,175.265	
4	Thành phố Uông Bí	1	0	1	30	0	30	0.135	30.135	
5	Thành phố Cẩm Phả	7	3	4	300	180	120	1.350	301.350	
6	Huyện Vân Đồn	3	1	2	120	60	60	0.540	120.540	
7	Huyện Cô Tô	0	0	0	0	0	0	0.000	0.000	
8	Huyện Tiên Yên	0	0	0	0	0	0	0.000	0.000	
9	Huyện Bình Liêu	8	6	2	420	360	60	1.890	421.890	
10	Huyện Ba Chẽ	0	0	0	0	0	0	0.000	0.000	
11	Huyện Đầm Hà	0	0	0	0	0	0	0.000	0.000	
12	Huyện Hải Hà	1	1	0	60	60	0	0.270	60.270	
13	Thành phố Móng Cái	1	0	1	1	0	30	0.005	1.005	
14	BCĐ tỉnh							1.561	1.561	